

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-PT

Ngày 16-4-2025

V/v Tranh chấp lối đi chung, tranh chấp
quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết
định hành chính cá biệt

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thương

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp lối đi chung, tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 131/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 36A/2025/QĐ-TA ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 57/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh T, sinh năm 1985 và bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số F L, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông T có mặt, bà T1 vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số A L, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 01-7-2021 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Quốc D – Luật sư thuộc Văn phòng L7, Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đinh Thị D1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Bùi Trọng H, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Bà Ngô Thúy V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Bà Lâm Thị Kiều O, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thảo L1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

7. Bà Trần Thị Kim D3, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

9. Ông Trần Xuân L2, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

10. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

11. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

12. Bà Hoàng Thị L3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị T2.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

14. Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

15. Ông Vũ Bá C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

16. Sở T6 (nay là Sở T6) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị Quỳnh C1 - Công chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người kháng cáo:

1. Ông Hoàng Thanh T - Nguyên đơn.

2. Bà Đinh Thị L - Bị đơn.

3. Bà Đinh Thị D1, ông Nguyễn Đình H1, ông Đỗ Văn S, ông Trần Xuân L2, bà Trần Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Thúy N, bà Hoàng Thị L3, bà Nguyễn Thúy V1, bà Trần Thị Kim D3, ông Bùi Trọng H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Thanh T và bà Lê Thị Mỹ T1, trình bày:

Ông Hoàng Thanh T và bà Lê Thị Mỹ T1 là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất 513, tờ bản đồ số 28, diện tích 45,6m², đất ở đô thị tọa lạc tại Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguồn gốc đất này là do vợ chồng ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng hoàn toàn hợp pháp và đăng ký đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 949621 vào ngày 26-7-2019. Trên đất có căn nhà cấp 4 nhưng không thể hiện tài sản trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15-8-2019, ông T được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy phép xây dựng số 1075/GPXD được phép xây nhà 02 tầng trên thửa đất.

Ngày 26-8-2019, ông T và bà T1 được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận số nhà A đường B, Phường H, thành phố V.

Khi vợ chồng ông T sửa chữa, xây dựng nhà thì các hộ dân trong hẻm A B, Phường H, trong đó có bà Đinh Thị L có bất động sản liền kề với nhà, đất của vợ chồng ông T đã xây dựng một bức tường gạch ngăn cản không cho sử dụng lối đi chung tại hẻm A B, Phường H.

Tháng 9-2019, ông T và bà T1 gửi đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân Phường H4, thành phố V giải quyết yêu cầu tạo điều kiện cho gia đình ông bà có lối đi thuận lợi trong việc sinh hoạt. Ủy ban nhân dân Phường H4 đề nghị ông T, bà T1

thỏa thuận với các hộ gia đình trong hẻm A đường B được thể hiện trong biên bản làm việc ngày 11-9-2019.

Tại buổi hòa giải ngày 09-10-2019, Ủy ban nhân dân Phường H4 yêu cầu các hộ dân tại hẻm A B, tạo điều kiện cho ông T bà T1 có lối đi và vợ chồng ông T bà T1 đóng góp chi phí cải tạo, nâng cấp hẻm trên, nhưng các hộ dân không đồng ý .

Theo tài liệu chứng cứ thì đường đi chung do Nhà nước quản lý, đã được thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông T, bà T1. Các hộ dân không cho vợ chồng ông T bà T1 sử dụng đường hẻm này làm lối đi chung là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T được nhà nước bảo vệ. Nay ông T bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận lối đi tại hẻm A B, Phường H, thành phố V là lối đi chung để gia đình ông T được đi qua.

Buộc bà Đinh Thị L và những hộ dân sinh sống tại hẻm A B không được cản trở gia đình ông T, bà T1 đi lại trên hẻm A B, Phường H, thành phố V. Ông T bà T1 đồng ý đóng góp chi phí cải tạo, nâng cấp đường hẻm là 100.000.000 đồng.

Về bức tường, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, bà T1 có thể hiện con đường đi nhưng khi đến hiện trạng thì ông T thấy có bức tường chắn ngang, che bít lối đi vào nhà ông T, nên ông T đã phá bỏ bức tường này để đi ra hẻm A B. Bà L cho rằng bức tường này do bà L xây dựng thì bà L phải có chứng cứ chứng minh. Ông T không đồng ý xây lại bức tường bị phá, vì bức tường đó xây dựng trái phép, chắn lối đi vào nhà của ông.

Bị đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì năm 2019, ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng nhà đất của ông T5 và bà H3 tại số nhà A B, tổ G, Khu phố G, Phường H, thành phố V. Căn nhà này có diện tích 45,6m² và có cạnh tiếp giáp với hẻm A B, Phường H, thành phố V nên đề nghị vợ chồng ông T liên hệ ông T5 và bà H3 để có lối đi. Nhà ông T mua đã có từ trước và có đường đi tại hẻm A B, vợ chồng ông T không có quyền lợi gì liên quan đến hẻm A B. Năm 2013, bà mua đất của bà Lê Kim L4 được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 62,6m², gia đình bà L4 đã xây nhà hết diện tích đất. Phần đất trước cửa nhà bà L4 làm sân, gia đình bà L4 không bỏ đất ra làm đường đi mà do chủ cũ đã bỏ đất ra để đường đi rộng như hiện nay. Hẻm A B là do các hộ dân chừa đất để làm đường đi và góp tiền đổ đá, làm ống cống, đổ bê tông, làm cột điện, làm cống thoát nước, năm 2017 nhà nước có nâng cấp hẻm bằng việc đổ nhựa. Việc đi lại của ông T, bà T1 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà nên bà có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông T, bà T1 phải xây lại bức tường ranh giới để khôi phục lại nguyên hiện trạng có sẵn trước đây mà ông T đã đập phá có kích thước 3m x 4m = 12m².

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 chấm dứt việc xâm phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng đất của gia đình bà phần sân tại 1 B, Phường H, thành phố V.

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 chấm dứt việc sử dụng lối đi chung của 17 hộ dân tại hẻm A B, Phường H, thành phố V.

- Hủy các loại giấy tờ đã cấp cho ông T, bà T1 vì trái pháp luật, gồm:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR949621 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6 cấp ngày 26-01-2019 cho ông T bà T1, vì trái pháp luật.

- Hủy Giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp số 1075/GPXD ngày 18-8-2019.

- Hủy Giấy chứng nhận số nhà mới 107/10/19A Bình Giã do Phòng Quản lý đô thị cấp ngày 26-8-2019.

- Đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6, Ủy ban nhân dân thành phố V, Phòng Quản lý đô thị thành phố V, Ủy ban nhân dân Phường H4 thành phố V vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H1 trình bày:

Năm 1985, ông là người đầu tiên mua khoảng 1.800m² đất của ông Nguyễn Bá K, trên đất có 01 căn nhà tôn, ông H1 đã đăng ký đất đai và đóng thuế đầy đủ. Năm 1986, ông bán khoảng hơn 120m² đất cho ông T3, bà H2. Sau đó, ông T3, bà H2 bán lại đất cho bà Đinh Thị D1 và bà D1 bán lại cho bà Đinh Thị L. Khi bà L về nhận đất đã làm nhà lùi vào phía sau, chừa ra một phần đất phía trước làm sân để thuận tiện cho việc sinh hoạt. Năm 1992, phần đất còn lại ông phân lô để bán và đã chừa con đường khoảng ngang 3,5m x dài khoảng 33m – 35m nối liền với phần đất chừa làm sân của bà L. Từ đó các hộ dân đi trên con đường đó để lưu thông ra hẻm A B, các hộ dân góp tiền đổ đá, làm ống cống, đổ bê tông, làm cột điện, làm cống thoát nước... để làm con đường hẻm cắt nội bộ như hiện nay. Phần đất ông H1 chừa ra làm đường đi không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 và phần đất này cũng chưa được nhà nước thu hồi. Ông có đơn yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị D1, ông Bùi Trọng H, bà Nguyễn Thị D2, bà Ngô Thúy V, bà Lâm Thị Kiều O, bà Nguyễn Thảo L1, bà Trần Thị Kim D3, bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Trần Xuân L2, ông Đỗ Văn S, bà Trần Thị Kim P, bà Hoàng Thị L3, bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự, ông T, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu ông T5 bà H3 (người bán nhà cho ông T) giải quyết việc dành lối đi. Vì căn nhà cấp 4 của thửa 513 được tách từ căn nhà tại thửa 342 có 01 cạnh tiếp giáp hẻm A B (5m) và đã có đường đi tại hẻm A B nên ông T, bà T1 không có quyền lợi liên quan đến hẻm A B. Ông T, bà T1 không có quyền đập phá bức tường của bà L và không có quyền kiện bà L về việc công nhận hẻm A B là lối đi chung của ông T, bà T1. Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 không đúng quy định pháp luật và không có căn cứ pháp luật, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị L:

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 phải xây trả lại bức tường cho gia đình bà L và chấm dứt việc xâm phạm phần đất sân của gia đình bà L số 107/10/19 B, Phường H.

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 chấm dứt việc sử dụng lối đi chung của các hộ dân tại hẻm A B, Phường H, thành phố V.

- Hủy các loại giấy tờ đã cấp cho ông T, bà T1 vì trái pháp luật, cụ thể:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR949621 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6 cấp ngày 26-01-2019, vì trái pháp luật.

+ Hủy Giấy phép xây dựng số 1075/GPXD do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 18-8-2019.

+ Hủy Giấy chứng nhận số nhà mới 107/10/19A Bình Giã do Phòng Quản lý đô thị cấp ngày 26-8-2019.

- Yêu cầu đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6, Ủy ban nhân dân thành phố V, Phòng Quản lý đô thị thành phố V, Ủy ban nhân dân Phường H4, thành phố V vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở T6 (nay là Sở T6) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của ông Hoàng Thanh T và bà Lê Thị Mỹ T1 là của ông Nguyễn Huy P1 và bà Phạm Thu T4, đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 689114 ngày 10-12-2010 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 28, diện tích 110m² đất ở đô thị tại Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2018, ông P1, bà T4 chuyển nhượng cho ông Hoàng Anh L5 và bà Trần Thị M, được Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V chỉnh lý, ký xác nhận ngày 16-10-2018. Sau đó ông L5, bà M chuyển nhượng cho ông Trương Quang T5 và bà Lê Thị H3, được Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V chỉnh lý, ký xác nhận ngày 02-11-2018.

Ngày 10-7-2019, ông T5 và bà H3 có Đơn xin tách thửa đất trên thành hai thửa đất, đồng thời lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng công chứng số 01 tỉnh B chứng thực ngày 10-7-2019, theo đó tách tách 02 thửa như sau (có sơ đồ tách thửa do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập kèm theo) gồm:

Thửa 512, tờ bản đồ số 28, có diện tích 64,4m² đất ở đô thị; chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Kim C2 (được Phòng C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận số 2397, ngày 10-7-2019).

Thửa 513, tờ bản đồ số 28, có diện tích 45,6m² đất ở đô thị; chuyển nhượng cho ông Hoàng Thanh T, bà Lê Thị Mỹ T1 (được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận số 2396, ngày 10-7-2019).

Ngày 24-7-2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V có Tờ trình số 5059/TTr-CN.VPĐK về việc đề nghị tách thửa – chuyển nhượng và cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông, bà Trương Quang T5 – Lê Thị H3, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thẩm định và ký xác nhận ngày 25-7-2019.

Ngày 26-7-2019, Sở T6 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 949620 với diện tích 64,4m² đất ở đô thị, thửa 512, tờ bản đồ số 28, Phường H, thành phố V cho bà Hoàng Thị Kim C2 và số CR 949621 với diện tích 45,6m² đất ở đô thị, thửa 513, tờ bản đồ số 28, Phường H, thành phố V cho ông Hoàng Thanh T, bà Lê Thị Mỹ T1.

Thửa đất số 342 đề nghị tách thửa – chuyển nhượng có tiếp giáp với 02 hẻm thuộc đường B, là hẻm A B và hẻm A B (Thửa đất được tách ra thành 02 phần theo 02 mặt hẻm hiện hữu của đường B, chứ không phải chia tách nhỏ mặt tiền thửa đất). Phần đất chuyển nhượng cho ông Hoàng Thanh T, bà Lê Thị Mỹ T1 có cạnh tiếp giáp đường giao thông (hẻm A đường B) là 1,34m.

Thửa đất xin tách thuộc quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu dân cư Nam sân bay thành phố V, được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-UB ngày 10-5-2006. Theo Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố V được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 08-7-2014 thì thửa đất thuộc quy hoạch đất nhà ở, tầng cao tối đa 04 tầng, mật độ xây dựng 79% hẻm hướng Tây rộng > 6,0m, hẻm hướng Đông Bắc rộng > 4,0m;

Việc sử dụng đất hiện tại là đúng mục đích, không vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất quy định tại Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 và không có hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T và bà Lê Thị Mỹ T1 đối với bà Đinh Thị L.

Công nhận lối đi tại hẻm A B, Phường H, thành phố V là lối đi chung. Ông Hoàng Thanh T và bà Lê Thị Mỹ T1 được quyền đi tại hẻm A B, Phường H, thành phố V. Ông T và bà T1 có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, đóng góp kinh phí cải tạo, nâng cấp hẻm A B, Phường H, thành phố V theo quy định chung mà những hộ dân khác trong hẻm đã đóng góp trước đó để có lối đi chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và bà T1 đóng góp kinh phí cải tạo, nâng cấp hẻm với số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được chia đều cho 16 hộ dân trong hẻm, mỗi hộ được nhận số tiền 6.250.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đinh Thị L và không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR949621 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6 cấp ngày 26-01-2019 cho ông T, bà T1, vì trái pháp luật.

- Hủy Giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp số 1075/GPXD ngày 18-8-2019.

- Hủy Giấy chứng nhận số nhà mới 107/10/19A Bình Giã do Phòng Quản lý đô thị cấp ngày 26-8-2019.

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 chấm dứt việc sử dụng lối đi chung của các hộ dân tại hẻm A B, Phường H, thành phố V.

- Buộc vợ chồng ông T, bà T1 phải xây trả lại bức tường cho gia đình bà Đinh Thị L và chấm dứt việc xâm phạm phần đất sân của gia đình bà Đinh Thị L số 107/10/19 B, Phường H, thành phố V.

- Yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân thành phố V, Phòng Quản lý đô thị thành phố V, Ủy ban nhân dân Phường H4, thành phố V vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15-8-2023, nguyên đơn ông Hoàng Thanh T nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ phần ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng nguyên đơn đóng góp kinh phí cải tạo, nâng cấp hẻm với số tiền 100.000.000 đồng, nguyên đơn không đồng ý chi trả cho mỗi hộ số tiền là 6.250.000 đồng.

Ngày 18-8-2023, bị đơn bà Đinh Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Đinh Thị D1, ông Nguyễn Đình H1, bà Trần Thị Kim D3, bà Hoàng Thị L3, bà Ngô Thúy V, bà Trần Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Trần Xuân L2, ông Bùi Trọng H và ông Đỗ Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn (do ông Nguyễn Thành Đ đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đóng góp kinh phí cải tạo, nâng cấp hẻm với số tiền 100.000.000 đồng, vì nguyên đơn chỉ tự nguyện đóng góp khi các hộ dân tại hẻm A B đồng ý cho nguyên đơn được đi chung con hẻm này, còn các hộ dân không đồng ý thì nguyên đơn không đóng góp. Bản án sơ thẩm ghi nhận như vậy là không đúng ý chí của nguyên đơn, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Đinh Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị D1, ông Nguyễn Đình H1 và ông Bùi Trọng H giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và xét xử không đúng quy định của pháp luật và sự thật vụ án.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung một số tài liệu, chứng cứ như hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 29, Phường H, thành phố V; hồ sơ tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình H1 đối với diện tích đất 1.800m² ông H1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Bá K; xác minh về việc lối đi tranh chấp là lối đi nội bộ hay lối đi công cộng do Nhà nước quản lý; đo vẽ để xác định diện tích đất 12m² bà L yêu cầu nguyên đơn chấm dứt việc xâm phạm, từ đó mới có đủ căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng bà Nguyễn Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật:

[2.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn phản tố của bị đơn và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Tranh chấp về lối đi chung, tranh chấp quyền sử dụng đất (đối với phần đất sân của bà Đinh Thị L), yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt*”. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về lối đi chung và*

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ và chưa đúng với yêu cầu của các đương sự trong vụ án, dẫn đến giải quyết chưa hết các yêu cầu của đương sự và áp dụng pháp luật về nội dung chưa đầy đủ.

[2.2] Trong đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn ông T, bà T1 phải xây trả lại bức tường rào cho gia đình bà L, chấm dứt việc xâm phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tại phần sân có diện tích khoảng 12m² của gia đình bà L. Cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố này của bị đơn là đúng, nhưng thụ lý yêu cầu độc lập này của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là sai, vì những người này không có quyền lợi gì liên quan đến bức tường và phần sân của gia đình bà L nên không có quyền khởi kiện về những nội dung này. Do đã thụ lý sai nên cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập này của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có quyền khởi kiện mới đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn chấm dứt việc xâm phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng đất của gia đình bà L tại phần sân của bị đơn: Đây thực chất là việc bị đơn bà L yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền sử dụng đất đối với phần sân của gia đình bà, hiện đang bị nguyên đơn sử dụng làm lối đi. Theo bà L thì phần sân này có kích thước khoảng 4m x 3m = 12m² là một phần của thửa đất số 341, tờ bản đồ số 29, Phường H, thành phố V, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Mặc dù hiện nay bà L không làm hàng rào bao quanh phần đất này mà dùng để mở rộng lối đi ra hẻm 107/10/19 cho gia đình bà sử dụng, nhưng phần đất này vẫn thuộc quyền sử dụng riêng của bị đơn, chỉ gia đình bị đơn được sử dụng, không phải là đất công cộng nên nguyên đơn không được phép trở cửa đi qua phần đất này. Còn nguyên đơn thì cho rằng phần đất này trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn thể hiện là lối đi công cộng nên nguyên đơn được quyền đi qua.

[2.4] Xét, khi tiến hành đo đạc các thửa đất tranh chấp, cấp sơ thẩm không yêu cầu bà L xác định rõ ranh giới theo hiện trạng của thửa 341, tờ bản đồ số 29, Phường H, thành phố V (trong đó gồm cả phần sân khoảng 12m² mà bị đơn đang yêu cầu nguyên đơn chấm dứt sử dụng), đề cán bộ đo đạc và thể hiện trên Sơ đồ vị trí thửa đất, đồng thời lồng ghép với ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 341, tờ bản đồ số 29, Phường H, thành phố V. Từ đó mới xác định được phần đất tranh chấp khoảng 12m² theo yêu cầu phản tố của bị đơn có diện tích chính xác là bao nhiêu? nằm ở vị trí nào? có thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 29, Phường H, thành phố V của bị đơn hay không?

Cấp sơ thẩm cũng không thu thập chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 341 nêu trên để xác định phần đất tranh chấp có được bị đơn sử dụng hợp pháp hay không? Có việc bà L hiện phần đất sân trên để mở rộng đường H B hay không? Từ đó mới có cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đây là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất nên trước khi thụ lý, giải quyết yêu cầu này cũng phải thực hiện thủ tục hòa giải ở cơ sở mới đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai.

[2.5] Về lối đi chung tại hẻm A: Theo bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H1, thì con hẻm này trước đây là một phần của thửa đất khoảng 1.800m² do ông H1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Bá K. Năm 1992, ông H1 tách thửa đất này thành nhiều thửa nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều người khác. Khi tách thửa, ông H1 trừ khoảng 3m – 3,5m chiều ngang giữa thửa đất để làm lối đi chung cho các thửa đất sau khi tách. Khi trừ phần đất làm đường trên, ông H1 không làm thủ tục hiến đất cho Nhà nước, Nhà nước cũng chưa thu hồi phần đất này để làm đường giao thông. Do vậy, phần đất hẻm này vẫn thuộc thửa đất của gia đình ông H1. Đây là lối đi nội bộ cho những hộ nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông H1 nên chỉ những hộ này mới được sử dụng lối đi này. Phần lối đi chiều ngang 1,34m mà ông T tự ý đập bức tường và mở ra hẻm 107/10 là phần đất làm sân của bà L. Do đất bà L cũng có nguồn gốc tách ra từ thửa đất của ông H1 và ở vị trí cuối cùng của lối đi chung, có chiều ngang nhô ra khoảng 2/3 hẻm A, nên bà L mới trừ ra thêm 12m² này để đi lại cho thuận tiện, đây vẫn là phần đất riêng của bà L, không phải là phần đất thuộc lối đi chung do ông H1 mở năm 1992.

Để xác định hẻm 107/10 là lối đi nội bộ do ông H1 tự mở hay là lối đi công cộng được Nhà nước quản lý thì cần thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ tách thửa, trừ lối đi của thửa đất cũ mà ông H1 đã tách và xác minh tại cơ quan có thẩm quyền về việc đã thực hiện thủ tục để công nhận hẻm 107/10 là lối đi công cộng hay vẫn thuộc thửa đất của ông H1. Cấp sơ thẩm không thu thập những tài liệu, chứng cứ này mà chỉ căn cứ vào ý kiến trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố V để công nhận hẻm 107/10 là lối đi chung là chưa đủ căn cứ pháp lý.

[2.6] Về việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Theo Công văn số 2642/UBND-TNMT ngày 28-4-2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V, thì hẻm A B có 17 hộ dân đang sử dụng, trong đó có hộ bà Đinh Thị A, số nhà A B; trong đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên ông Trần Công L6 ở địa chỉ 107/10/17, nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Đinh Thị A và ông Trần Công L6 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong khi đó, bà Đinh Thị D1 và bà Nguyễn Thị T2 đã chuyển đi nơi khác, hiện không sử dụng lối đi tại hẻm A nhưng cấp sơ thẩm vẫn đưa vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thụ lý yêu cầu độc lập của hai người này là không đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng không đưa ông Trương Quang T5, bà Lê Thị H3 là người chuyển nhượng thửa đất 513 cho nguyên đơn vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ việc khi chuyển nhượng thửa đất trên, ông T5 và bà H3 thỏa thuận với ông T, bà T1 về lối đi cho nguyên đơn ở vị trí nào? Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy giấy phép xây dựng và giấy chứng nhận số nhà đã cấp cho nguyên đơn, nhưng cấp sơ thẩm không đưa các cơ quan đã ban

hành các văn bản hành chính cá biệt trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và làm cho việc giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập về việc yêu cầu đưa Sở T6, Ủy ban nhân dân thành phố V, Phòng Quản lý đô thị thành phố V và Ủy ban nhân dân Phường H4 vào tham gia tố tụng trong vụ án là không đúng quy định tại Điều 200 và 201 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.8] Do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:*

Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc sửa một phần bản án sơ thẩm của nguyên đơn. Khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, nguyên đơn có quyền trình bày rõ ý kiến của mình đối với số tiền 100.000.000 đồng chi phí cải tạo, nâng cấp hẻm 107/10 để được xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:* Được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bản án sơ thẩm bị hủy nên các không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Thanh T, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị D1, ông Nguyễn Đình H1, bà Trần Thị Kim D3, bà Hoàng Thị L3, bà Ngô Thúy V, bà Trần Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Trần Xuân L2, ông Bùi Trọng H và ông Đỗ Văn S.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Hoàng Thanh T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001210 ngày 31-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị L 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001221 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L3 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001213 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Ngô Thúy V 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001214 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim P 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001215 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Thúy N1 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001216 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho ông Trần Xuân L2 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001217 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị D1 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001218 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình H1 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001219 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho ông Bùi Trọng H 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001220 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim D3 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001222 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn S 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001223 ngày 06-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16-4-2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu: Tòa Dân sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Minh Vỹ